

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 494/2022/HS-PT
Ngày: 18/7/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Lệ;

Bà Lê Thị Thúy Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thu Hà, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 296/2022/TLPT-HS ngày 31 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo Lê Văn T và Tẩn A Đ do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2022/HSST ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

1. Lê Văn T, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ dân phố C1, thị trấn ĐN, huyện LN, tỉnh Bắc Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Lê Hồng S và bà Nguyễn Thị Ng; có vợ là Nông Thị X và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

+ Bản án hình sự phúc thẩm số 186 ngày 18/11/2009, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54 tháng 6 ngày về tội “Cố ý gây thương tích”.

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 49 ngày 16/8/2011, Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang xử phạt 36 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt tại Bản án hình sự phúc thẩm số 186 ngày 18/11/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang buộc chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 66 tháng tù (đã được xóa án tích).

+ Ngày 26/9/2017 bị Công an huyện LN xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích”.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2020; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang; có mặt.

2. Tẩn A Đ, sinh năm 2001; nơi cư trú: Thôn CC, xã BQ, huyện BX, tỉnh Lào Cai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; con ông Tẩn A T và bà Lê Minh L; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2021; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang; có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn T:* Luật sư Dương Minh Kiên - Văn phòng Luật sư Dương Minh Nhâm, Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang; có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo Tẩn A Đ:* Luật sư Võ Thị An Bình - Văn phòng Luật sư Hoàng Loan, Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi cưỡng đoạt tài sản của Lê Văn T và Tạ Tiến Th ngày 08/12/2020: Ngày 06/10/2020, anh Nguyễn Xuân B, sinh năm 1976 trú tại thôn Thiểm Xuyên, xã Thụy Hòa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh ký kết hợp đồng xây dựng với ông ZHOU XIANJUN (tên Việt Nam thường gọi là A Châu), sinh năm 1973, Quốc tịch Trung Quốc là Giám đốc Công ty TNHH xây dựng Thương mại Đồng Tín (sau đây viết tắt là Công ty Đồng Tín) có trụ sở tại số nhà 19, Tổ dân phố ĐS, phường VĐ, quận K, thành phố Hải Phòng. Nội dung hợp đồng là ông A Châu thuê anh B thi công một số hạng mục xây dựng tại Khu công nghiệp Vân Trung, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Sau khi nhận hợp đồng, anh B thuê Nguyễn Quang T1, sinh năm 1988 trú tại thôn Tây, xã Tiên Lục, huyện L, tỉnh Bắc Giang thi công phần hạng mục sắt thép. Tuy nhiên, khi anh B hoàn thành phần thi công theo hợp đồng thì chưa được ông A Châu trả tiền công. Do vậy, anh B không có tiền trả cho anh T1.

Ngày 08/12/2020, anh B đi cùng Triệu Văn Đ, sinh năm 1986 trú tại thôn H, xã HS, huyện L (là công nhân của anh B) tìm gặp ông A Châu tại thành phố Hà Nội để đòi tiền. Anh B yêu cầu ông A Châu về Bắc Giang để tính toán và thanh toán công nợ.

Trên đường đi từ Hà Nội về Bắc Giang, anh B gọi điện thoại báo cho anh T1 biết để đến cùng tính toán công nợ. Anh T1 đi đến phòng của Công ty Đồng Tín thuê tại thôn Phúc Long, xã TT, huyện V nhưng lúc này ông A Châu chưa về đến nơi. Anh T1 đi sang cửa hiệu của Tạ Tiến Th thuê tại thôn 7, xã TT. Tại đây, anh T1 gặp Th, Lê Văn T và Phạm Hoàng H, sinh năm 1994 trú tại khu 3, phường ĐP, thành phố Bắc Ninh. Anh T1 nói với Th về việc ông A Châu nợ tiền công thợ và nhờ Th cho mượn danh là đàn em của Th để đòi nợ. Th bảo anh T1 cứ đi trước, Th sẽ đến sau. Sau đó, anh T1 quay lại khu nhà trọ của Công ty Đồng Tín.

Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, ông A Châu cùng anh B, anh Đ về đến phòng của Công ty Đồng Tín. Lúc này có anh Hoàng Văn Sỹ, sinh năm 1987, trú tại: Thôn ĐP, xã Đại Đồng, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng là quản lý kỹ thuật của Công ty Đồng Tín cũng có mặt ở đó, một lúc sau thì anh T1 đến. Anh B yêu cầu anh Sỹ tính toán công nợ thì xác định số tiền công ty phải thanh toán là 203 triệu đồng. Anh T1 và anh B yêu cầu A Châu trả nợ. Ông A Châu nói chưa có tiền trả và yêu cầu anh T1 đi khỏi nhà trọ vì không nợ tiền anh T1. Lúc này, Th cùng , Hà và 03 thanh niên tên Hiếu, Năng, Vinh (không rõ được địa chỉ cụ thể) đi đến. Anh T1 đi ra ngoài nói bị A Châu đuổi ra ngoài. Th cùng đi vào trong phòng gặp ông A Châu. giới thiệu là người của Công ty anh B và được anh B nhờ thu hồi nợ. đe dọa “Tôi là dân xã hội, tất cả khu vực My Điện anh em xã hội tôi đều quen biết”. yêu cầu ông A Châu trả nợ nhưng A Châu nói chỉ trả được 10 triệu đồng, số còn lại hôm sau sẽ thu xếp nhưng không đồng ý và yêu cầu phải trả ngay. khoác vai A Châu bảo đi ra ngoài nói chuyện. và Th đưa A Châu đến quán cà phê Phố của anh Lê Văn Chiến tại thôn Phúc Long, xã TT, huyện V. Tại đây, A Châu trình bày do hoàn cảnh khó khăn và chỉ trả được 10.000.000 đồng thì nói: “Công việc em đã ra mặt thì phải được việc, kiểu gì trong tối nay cũng phải có tiền, ít nhất phải một nửa hoặc 1/3 số tiền đã tính khối lượng”. Ông A Châu nói không có tiền và xin để đến sáng hôm sau thu xếp nhưng không đồng ý và yêu cầu phải thu xếp trả tiền ngay trong đêm. nói: “Anh em ở đây toàn là dân xã hội, nếu chúng em là số 2 thì không ai dám nhận số 1, ở đây chúng em toàn mặt trái của xã hội nhưng có vay, có trả”. Th ngồi bên cạnh và chứng kiến sự việc. Ông A Châu sợ nên đồng ý trả trước một nửa số tiền nợ. và Th đưa A Châu quay lại phòng trọ của công ty Đồng Tín. Tại đây, A Châu hỏi anh B là chuyển tiền cho ai thì anh B chỉ về phía . Ông A Châu yêu cầu phải có giấy tờ làm căn cứ thì bảo anh B viết giấy ủy quyền với nội dung anh B ủy quyền cho thu hồi nợ. Ba người cùng ký, điểm chỉ vào giấy ủy quyền. bảo A Châu chuyển tiền vào tài khoản của Th nên A Châu gọi điện thoại cho chị Lưu Thị H là kế toán của Công ty bảo chuyển 50 triệu đồng vào tài khoản của Th tại Ngân hàng MBBank. Sau khi nhận tiền, anh B, anh T1 cùng nhóm đi về. Một lúc sau, lại đi đến phòng trọ của ông A Châu yêu cầu chuyển nốt số tiền còn lại vào tài khoản Ngân hàng của . Ông A Châu sợ nên đã hỏi vay anh Sỹ để anh Sỹ chuyển 53 triệu đồng vào tài khoản của . Sau khi nhận số tiền này, không nói với ai mà chi tiêu cá nhân hết. Đối với số tiền 50 triệu đồng trong tài khoản của Th thì , Th chuyển cho anh T1 10 triệu đồng, Th rút 5 triệu đồng để đưa cả nhóm đi ăn uống, chuyển cho 7 triệu đồng; số còn lại Th chi tiêu hết.

Ngày 15/12/2020, anh B có đơn gửi Công an tỉnh Bắc Giang trình báo sự việc. Đến ngày 21/12/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang bắt giữ Lê Văn T, Tạ Tiến Th để điều tra.

Cơ quan điều tra kiểm tra điện thoại thu giữ của bị can . Kết quả trên điện thoại có lưu giữ những tin nhắn có nội dung trao đổi giữa và Th liên quan việc đòi

tiền và chia tiền trong vụ án.

Cơ quan điều tra đã trích xuất, kiểm tra dữ liệu từ camera tại quán của anh Chiến. Kết quả xác định đêm 08/12/2020 có hình ảnh , Th và ông A Châu đi vào trong quán.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang cho A Châu nhận dạng ảnh của và Th. Kết quả A Châu nhận đúng ảnh và xác định là người đe dọa bắt phải nộp tiền; không nhận được ảnh của Th.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Xuân B, Lê Văn T, A Châu trên tờ giấy ủy quyền thu giữ của Lê Văn T.

Bản kết luận giám định số 1651/KL-KTHS ngày 19/10/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

- Chữ ký, chữ viết đứng tên Lê Văn T trên tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết của Lê Văn T trên tài liệu mẫu là do cùng một người ký, viết ra.
- Chữ ký, chữ viết đứng tên A Châu trên tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết của A Châu trên các tài liệu mẫu là do cùng một người ký, viết ra.
- Chữ ký dạng chữ viết, chữ viết trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A - trừ nội dung đã kết luận ở trên và chữ viết có nội dung 2020.12.8 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Xuân B trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M1, M2, M3) là do cùng một người ký, viết ra.

Về hành vi cướp tài sản xảy ra ngày 18/12/2020 tại thị trấn Nénh, huyện V, tỉnh Bắc Giang của Lê Văn T, Tẩn A Đ: Ngày 15/11/2020, bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1968 trú tại thôn Trước, xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang lập giấy ủy quyền cho anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1990 trú tại tổ dân phố My Điện 2, thị trấn Nénh, huyện V đứng ra giao dịch để bán thửa đất số 56-MĐ46 có diện tích 100m² của bà Nga tại tổ dân phố My Điện, thị trấn Nénh (bà Nga là di ruột của anh C). Theo giấy ủy quyền này, anh C có quyền nhận tiền đặt cọc của người nào muốn mua thửa đất này sau đó thông báo cho bà Nga biết để làm hợp đồng.

Ngày 19/11/2020, anh C ký giấy nhận đặt cọc 50 triệu đồng của chị Lê Thị V, sinh năm 1981 ở Tổ dân phố My Điện 2, thị trấn Nénh để mua thửa đất trên. Theo hợp đồng, chị V mua thửa đất với giá 2.050.000.000 đồng, đặt cọc trước 50 triệu đồng, hẹn thanh toán 2 tỷ đồng còn lại vào ngày 29/11/2020; nếu đến ngày hẹn mà anh C không giao đất thì sẽ bị phạt 150 triệu đồng và trả lại tiền đặt cọc; nếu chị V không mua thì sẽ bị mất 50 triệu đồng tiền cọc.

Sau khi nhận tiền đặt cọc, anh C đã đưa lại số tiền này cho bà Nga. Đến hẹn, chị V không mua đất và đề nghị anh C trả lại tiền đặt cọc nhưng anh C không đồng ý với lý do chị V vi phạm hợp đồng và anh C đã đưa số tiền này cho bà Nga. Chị V đã kể lại sự việc cho Phùng Văn T3, sinh năm 1984; trú tại: Tổ dân phố My Điện 1, thị trấn Nénh (là em trai chồng chị V) và nói lý do việc giao dịch mua bán thửa đất không thành vì anh C trốn tránh, không giao dịch.

Anh T3 có quen biết Lê Văn T nên kể lại sự việc cho biết. nhận sẽ giúp chị V đòi lại tiền. Ngày 17/12/2021, anh T3 gọi và chị V đến nhà anh T3. Tại đây, chị V có đưa cho anh T3 01 bản phô tô hợp đồng đặt cọc mua bán đất giữa anh C và chị V. Anh T3 giao cho giấy này và nhờ giúp đòi tiền. Anh T3 thỏa thuận với nếu đòi được thì chị V chỉ lấy 50 triệu đồng còn sẽ được số tiền anh C phải đền bù do vi phạm hợp đồng là 150 triệu đồng, đồng ý.

Lê Văn T quen biết Tân A Đ, sinh năm 2001 trú tại Thôn CC, xã BQ, huyện BX, tỉnh Lào Cai nên bảo cùng với đi đòi tiền của anh C. Khoảng 09 giờ ngày 18/12/2020, đi xe mô tô chở đến nhà anh C. giới thiệu là người nhà chị V đến đòi tiền. đưa giấy nhận đặt cọc rồi yêu cầu anh C phải trả 200 triệu đồng bao gồm tiền cọc 50 triệu đồng và tiền phạt 150 triệu đồng vì anh C sai hợp đồng. Anh C nói đã tiền đưa cho bà Nga và chị V là người sai hợp đồng nên mất tiền cọc, nếu muốn đòi tiền thì tìm bà Nga để đòi. dùng tay tát vào má anh C mấy cái, anh C dùng hai tay ôm đầu thì dùng chân đá vào người, lao vào dùng chân tay đánh, đá anh C bắt phải trả tiền. Anh C bỏ chạy ra sau nhà thì và đuổi theo túm lại kéo ra gần cửa tiếp tục đánh. lấy ra 01 con dao bấm chỉ về phía anh C đe dọa “mày không trả tao giết chết”. Lúc này, anh Hoàng Văn H, sinh năm 1990 trú tại thôn TN, xã HT, huyện HH, tỉnh Bắc Giang là người đang thuê trọ tại nhà anh C thấy anh C bị đánh nên đi ra can ngăn thì nói “không phải việc của mày” rồi kéo anh C ra ngồi gần cửa nhà. , tiếp tục đánh anh C. Anh Hòa can ngăn thì bị dùng dao bấm dí vào bụng nên sợ không dám can ngăn nữa. thấy nhà anh C có camera nên yêu cầu anh C xóa dữ liệu nhưng không xóa được. bảo anh C tháo đầu Camera để mang đi xóa. Lúc này có Phạm Hoàng H, sinh năm 1994, trú tại: Số nhà 24, đường T, Khu 3, phường ĐP, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (là người quen của) đi chơi ngang qua nên bảo cùng Hà chở anh C đi xóa dữ liệu camera. Ba người đi xe mô tô do lái đi tìm điểm để xóa dữ liệu camera nhưng không xóa được. bảo , Hà đưa C về nhà anh Phùng Văn T3. Tại đây, sử dụng con dao bấm cầm ở tay đe dọa anh C phải trả cho chị V số tiền 200 triệu đồng. Anh C sợ nên phải cam kết trả tiền cho vào hai ngày sau. Sau đó, bảo , Hà đưa anh C cầm theo đầu camera về nhà anh C để xóa dữ liệu. Do không xóa được dữ liệu nên bảo mang đầu Camera về để tại nhà anh T3. khai đã mang đầu camera đến nhà anh T3 nhưng anh T3 không có nhà nên đã để đầu camera trên bàn uống nước tại phòng khách rồi ra về. Hiện nay không xác định được đầu camera trên ở đâu. Ngày 20/12/2020, anh C có đơn gửi Công an thị trấn Nénh trình báo.

Ngày 21/12/2020, tại Công an thị trấn Nénh bà Nguyễn Thị N trả lại chị V số tiền 50 triệu đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đã thu giữ, kiểm tra điện thoại di động của Nguyễn Quang T1 và Lê Văn T xác định có một số tập tin ghi âm, ghi hình có âm thanh các cuộc hội thoại liên quan đến nội dung vụ án. Cơ quan điều tra thu giữ lưu vào đĩa DVD-R để trưng cầu giám định, dịch các đoạn hội thoại trên thành văn bản.

Bản kết luận giám định 1345/KL-KTHS ngày 30/8/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang đã dịch các đoạn hội thoại thành văn bản. Kết quả bản dịch có nội dung đe dọa anh C bắt nộp 200 triệu đồng.

Cơ quan điều tra yêu cầu định giá chiếc đầu camera do Lê Văn T và Tần A Đ chiếm đoạt của anh C. Kết luận định giá tài sản số 68 ngày 30/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện V kết luận: 01 đầu dữ liệu camera hãng Dahua DSS có giá 3.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2022/HSST ngày 17 tháng 02 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 168; điểm d khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn T 14 năm tù về tội “Cướp tài sản” và 05 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của 2 tội là 19 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 21/12/2020.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Tần A Đ 12 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam 27/9/2021.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Tạ Tiến Th, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/02/2022, các bị cáo Lê Văn T và Tần A Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Các bị cáo Lê Văn T và Tần A Đ giữ nguyên kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 355, Điều 356, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn T, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo ; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tần A Đ, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo .

Luật sư bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại. Luật sư của bị cáo cho rằng bị cáo chưa chiếm đoạt được tài sản đối với tội “Cướp tài sản”, bị cáo phạm tội chưa đạt. Các luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của các bị cáo và các luật sư,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố xét xử: Kể từ khi khởi tố vụ án hình sự, trong giai đoạn điều tra, truy tố vụ án, Điều tra viên, Kiểm sát viên và Luật sư bào chữa cho bị cáo đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh và khung hình phạt:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, bản kết luận giám định, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

[2.1] Tới ngày 08/12/2020, Lê Văn T và Tạ Tiến Th đe dọa ông A Châu ép buộc phải trả tiền. Do bị đe dọa nên ông A Châu chuyển 50 triệu đồng vào tài khoản của Th và phải chuyển cho 53 triệu đồng. Ông A Châu không quen biết, không nợ tiền các bị cáo nhưng đã bị các bị cáo đe dọa, uy hiếp tinh thần khiến ông A Châu sợ nên phải chuyển 103 triệu đồng cho các bị cáo.

Với hành vi phạm tội như trên, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử các bị cáo, Th về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Ngày 18/12/2020, Lê Văn T cùng Tân A Đ đến nhà anh Nguyễn Văn C ở tổ dân phố My Điền 2, thị trấn Nénh, huyện V mục đích ép anh C phải trả 200.000.000 đồng, vì vi phạm hợp đồng mua bán đất với chị Lê Thị V. Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, lời khai của người bị hại, người làm chứng trong quá trình điều tra có đủ cơ sở xác định và dùng chân tay đánh anh C, dùng dao bấm đe dọa khiến anh C sợ nên phải chấp nhận sau hai ngày sẽ trả số tiền 200.000.000 đồng cho và . Sau đó bị cáo và bắt anh C phải tháo đầu thu dữ liệu Camera để đem đi xóa dữ liệu. Các bị cáo chưa chiếm đoạt được 200 triệu đồng thì bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Giang bắt giữ, đầu thu dữ liệu bị mất và chưa trả lại cho anh C.

Hành vi dùng vũ lực của bị cáo, nhằm bắt anh C trả 200.000.000 đồng và chiếm giữ chiếc đầu thu dữ liệu Camera trị giá 3.000.000đ đã phạm tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 168 Bộ luật hình sự.

[2.3] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội thì thấy: Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đã nhiều lần phạm tội nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân mà lại liên tục phạm tội. Hành vi phạm tội ngày càng nghiêm trọng và nguy hiểm hơn, thể hiện sự coi thường pháp luật.

[2.4] Xét vị trí, vai trò của từng bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Đây là vụ án có tính đồng phạm nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, các bị cáo không phân công nhiệm vụ cụ thể. Trong vụ án này, bị cáo là người thực hiện hành vi tích cực và quyết liệt nhất nên có vai trò chính; bị cáo có vai trò thứ hai,

và cuối cùng là bị cáo Th.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm, nhận thấy:

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Sau khi tội phạm bị phát hiện, bị cáo Tần A Đ đã ra đầu thú nên Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- + Bị cáo Tần A Đ không có tình tiết tăng nặng.

- + Sau khi thực hiện hành vi đe dọa ông A Châu buộc phải chuyển 50.000.000đ vào tài khoản của Th, Lê Văn T còn một mình thực hiện hành vi buộc A Châu phải chuyển 53.000.000đ vào tài khoản của bị cáo. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 2 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm a khoản 3 Điều 168; điểm d khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn T 14 năm tù về tội “Cướp tài sản” và 05 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của 2 tội là 19 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 21/12/2020. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Tần A Đ 12 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam 27/9/2021 là đúng pháp luật.

[4]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Văn T và bị cáo Tần A Đ, thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Văn T xuất trình các biên lai thu tiền thể hiện: Bị cáo nộp 4.775.000 đồng tại Biên lai số 0000282 ngày 13/7/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang để nộp án phí và bồi thường cho anh Nguyễn Văn C; nộp 20.000.000 đồng tại Biên lai số 0000286 ngày 18/7/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang để bồi thường cho A Châu và xuất trình bản photo “Tổ quốc ghi công” của liệt sỹ Lê Văn Thiết (ông Thiết là ông nội của bị cáo).

Bị cáo Tần A Đ nộp 2.000.000 đồng tại Biên lai số 0000283 ngày 13/7/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang để nộp án phí và bồi thường cho anh Nguyễn Văn C.

Đây là tình tiết giảm nhẹ mới, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo về tội “Cướp tài sản” như đề nghị của Luật sư bào chữa cho các bị cáo.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận, nên các bị cáo

không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn T và bị cáo Tần A Đ; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2022/HSST ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 168; điểm d khoản 2 Điều 170; điểm s, b khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn T 13 (Mười ba) năm tù về tội “Cướp tài sản” và 05 (Năm) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả 2 tội là 18 (Mười tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/12/2020.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Tần A Đ 11 (Mười một) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 27/9/2021.

2. Án phí: Bị cáo Lê Văn T và bị cáo Tần A Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Xác nhận bị cáo Lê Văn T nộp 4.775.000 đồng tại Biên lai số 0000282 ngày 13/7/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang; nộp 20.000.000 đồng tại Biên lai số 0000286 ngày 18/7/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Bị cáo Tần A Đ nộp 2.000.000 đồng tại Biên lai số 0000283 ngày 13/7/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Trại Tạm giam CA tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Bị cáo (qua BGT Trại TG);
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Cường

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế Lệ

Lê Thị Thúy Bình

Nguyễn Văn Cường